

Số: 183 /TCT-PC&KSNB

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2023

V/v công bố thông tin

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần
Trụ sở chính: Số 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà

Nội;

Điện thoại: 024.36410799

Fax: 024.36410800

Mã chứng khoán: VIF

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Lê Quốc Khánh - Tổng giám đốc;

Địa chỉ: 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu bất thường định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần thông báo: Ngày 20/02/2023, Tổng công ty nhận được Bản án dân sự phúc thẩm số 94/2022/DS-PT ngày 30/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" giữa nguyên đơn là Ông Trần Văn Trung, bị đơn là Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bà Đỗ Thị Lượ, bản án phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày 20/02/2023 tại đường dẫn <http://www.vinafor.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. /s/

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- TGD;
- PTGD Ngô Thị Thúy Mai;
- Ban biên tập Website Vinafor;
- Ban công bố thông tin;
- Lưu VT, PC&KSNB.



Lê Quốc Khánh

Bản án số: 94/2022/DS - PT
Ngày: 30/12/2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

0912 6030 973: J 1243

TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM	
C.V	Số: 105
ĐẾN	Ngày: 10/12/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế và bà Nguyễn Minh Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:

Bà Lê Ngọc Kim Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 và ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 38/2022/TLPT- DS ngày 03/10/2022 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và Hợp đồng giao khoán". Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DSST ngày 03/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 52/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn Trung, sinh năm 1975, có mặt

Địa chỉ: Xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trung: Luật sư Mai Tiến Dũng, Luật sư Tạ Quang Trang thuộc Công ty Luật TNHH Đức Thành - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Phòng 4518 Tòa C2 Vinhomes D'Capitale Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội. có mặt

2. Bị đơn: Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần.

Trụ sở: Số 127 Lò Đúc, phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quốc Khánh, sinh năm 1965, chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền:

+ Bà Nguyễn Thị Phong Lan, sinh năm 1978, chức vụ: phó phòng pháp chế và kiểm soát nội bộ Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần;

+ Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm, sinh năm 1995, chức vụ: cán bộ Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần. vắng mặt

+ Ông Phạm Huy Bình, sinh năm 1980, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần - Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên. Văn bản ủy quyền số 1123 ngày 14 tháng 11 năm 2022; có mặt. ✓

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đỗ Thị Lượ, sinh năm 1977, có mặt

Địa chỉ: Xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

4. Người làm chứng: Ông Phạm Văn Trình, sinh năm 1971, *vắng mặt*

Địa chỉ: Xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

5. Người kháng cáo: Ông Trần Văn Trung.

NỘI DUNG VỤ ÁN THEO ÁN SƠ THẨM:

Ông Trần Văn Trung khởi kiện yêu cầu Tòa án: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA866527 và BA 866776 do UBND tỉnh Thái nguyên cấp ngày 15/02/2011 cho Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam; Đối với các Hợp đồng giao khoán đã ký với Công ty lâm nghiệp là ký khống, nên đề nghị hủy toàn bộ các hợp đồng này vì các hợp đồng giao khoán đã ký là vô hiệu do bị ép ký và ký khống. Theo ông Trung toàn bộ diện tích đất đã được Lâm trường Đồng Hỷ giao có diện tích là 24,40ha thuộc lô 1, lô 2 khoảnh 4; lô 1, khoảnh 7 tiểu khu 413 và 7ha diện tích đất ông đã khai hoang thuộc thửa số 30 tờ bản đồ số 1 và khoảng 15ha diện tích đất rừng ông khai hoang tại khu vực Khe Thác Tiên, xóm Bãi Vàng, tổng diện tích khoảng 42ha xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông, đồng thời xác định toàn bộ cây cối, đường đi và tài sản trên đất là của gia đình ông.

Căn cứ: Năm 1998 bố ông Trần Xuân Việt được Lâm trường Đồng Hỷ giao đất, giao rừng, tổng diện tích là 24,40ha tại tiểu khu 413 cụ thể: tại khoảnh 4, lô 1 có diện tích là 8,30ha; khoảnh 4, lô 2 có diện tích 7,50ha và khoảnh 7 lô 1 có diện tích 8,60ha. Việc giao đất, giao rừng có hồ sơ giao đất giao rừng số 100 ngày 20/7/1998 của Lâm trường Đồng Hỷ. Năm 2001, ông Việt chuyển lại cho ông, ông tiếp tục canh tác trồng mỡ, phân, keo, bò đê. Năm 2011, ông phải trả cho Lâm trường Đồng Hỷ số tiền mà bố ông đã vay để đầu tư rừng 7ha, số tiền là 138.000.000đ, việc trả tiền có giấy tờ nhưng hiện nay ông đã bị mất không còn giữ được. Từ năm 2006 đến 2008, gia đình ông có khai hoang thêm được diện tích đất khoảng 5 – 7ha, diện tích giáp với diện tích đất được Lâm trường giao (tiểu khu 413) và khoảng 10 ha đến 15ha, không biết thuộc tiểu khu nào, lô nào, khoảnh nào, ông chỉ biết diện tích đất thuộc Khe Thác Tiên, xóm Bãi Vàng, đất khai hoang đều là đất rừng lau, le, không ai quản lý, nên đã trồng rừng, trồng cây keo, cây bò đê.

Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên đầu tư một lần, khoảng năm 2015 với số tiền 1.150.000đ/1ha, tổng số tiền đầu tư 5,3 ha, thành tiền 6.095.000đ, còn cây giống và phân bón do gia đình ông tự bỏ tiền đầu tư. Năm 2020 và năm 2021 ông khai thác rừng tại diện tích đất rừng được giao, ông đã phải nộp cho Công ty 67.000.000đ không có hóa đơn chứng từ, không có giấy viết tay và số tiền 36.450.000đ có giấy viết tay ông nộp tiền ngày 25/11/2021.

Trong 24,4 ha đất trong sổ lâm bạ, ông có ký hợp đồng giao nhận khoán với Công ty Lâm nghiệp năm 2014, 2015 diện tích 13 ha và nhận tiền đầu tư với diện tích 5,3 ha (nhưng nội dung hợp đồng giao khoán viết như thế nào ông không được biết). Phần đất còn lại ông không nhận tiền đầu tư, mà gia đình ông tự bỏ vốn để mua cây giống và phân bón. Phần diện tích do ông khai phá thì ông không ký hợp đồng với Công ty. Năm 2016, Công ty tiến hành cắm mốc và thông báo cho gia đình ông biết đất của công ty có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc

Công ty lâm nghiệp vào đo đạc, cắm mốc khi nào ông không được biết. Khi thu hoạch cây Công ty lâm nghiệp yêu cầu ông phải ký vào hợp đồng trắng thì mới cho ông giấy vận chuyển cây, nếu không nhận tiền đầu tư ban đầu thì khi đến thời kỳ khai thác sản phẩm sau 5 đến 7 năm vẫn phải trả cho Công ty số tiền 750.000đ/1 khối, tổng số tiền phải trả là 33 khối năm 2016.

Đối với diện tích đất rừng tại khu vực Khe Thác Tiên ông cũng ký hợp đồng giao khoán với Công ty lâm nghiệp, nhưng không được biết nội dung hợp đồng như thế nào, không biết ký diện tích bao nhiêu, lô, khoảnh, tiểu khu nào. Ông không nhận tiền đầu tư của công ty đối với diện tích đất rừng này. Năm 2016, Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên tự ý cho người cắm mốc vào diện tích gia đình ông đang canh tác với lý do cho rằng đất đó của công ty, gia đình ông không biết.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị bác toàn bộ yêu cầu. Vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Công ty đã được Nhà nước giao và được cấp đúng trình tự theo quy định của pháp luật. Với các căn cứ:

* Về nguồn gốc đất: Năm 1973 tại Quyết định số 11/TCCQ ngày 12/01/1973 hợp nhất lâm trường Phúc Trìu với Lâm trường Trại Cau thành Lâm trường Đồng Hỷ. Năm 1992, tại Quyết định số 634/UB – QĐ ngày 08/12/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái thành lập doanh nghiệp Nhà nước là Lâm Trường Đồng Hỷ, khi thành lập doanh nghiệp thì tổng diện tích rừng và đất rừng được giao cho Lâm trường Đồng Hỷ là 13.065ha. Từ năm 1993 đến năm 1998 lâm trường Đồng Hỷ tiến hành giao đất, giao rừng cho cán bộ nhân viên và một số bà con nhân dân tại địa bàn địa phương để phủ xanh đất trống, đồi trọc. Năm 1998 tại Quyết định số 3225/QĐ-UB ngày 14/11/1998 của UBND tỉnh Thái Nguyên quyết định về việc chuyển giao Lâm trường Đồng Hỷ về Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam với nguyên tắc bàn giao nguyên trạng, nguyên canh, nguyên cơ được thể hiện tại Biên bản bàn giao Lâm trường Đồng Hỷ về Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam tháng 12/1998. Năm 1999 tại Quyết định số 231/QĐ/BNN, TCCB ngày 20/01/1999 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã đổi tên Lâm trường Đồng Hỷ thành Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên. Năm 2003 tại Quyết định số 248/QĐ – BNN – TCCB ngày 28/01/2003 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã sáp nhập Công ty vận tải và kinh doanh lâm sản Việt Trì vào Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên và đổi tên thành Công ty ván dăm Thái Nguyên. Năm 2005 tại Thông báo số 34 ngày 21/01/2005 của Công ty ván dăm Thái Nguyên gửi tới các sở ban ngành xác định toàn bộ số giao đất giao rừng cho các hộ đến ngày 30/3/2005 không còn giá trị sử dụng phải chuyển sang hình thức hợp đồng giao khoán. Tại Văn bản 1294/UBND – NLN ngày 28/11/2005 của UBND tỉnh Thái Nguyên chỉ đạo các hộ dân phải ký hợp đồng giao khoán với Công ty. Năm 2009 tại kết luận thanh tra số 1655 ngày 17/7/2009 của sở tài nguyên môi trường kết luận việc chấp hành pháp luật của Công ty ván dăm, trong đó có nội dung xác định Lâm trường sử dụng mẫu giao đất giao rừng của UBND huyện Đồng Hỷ là sai mẫu giao khoán trồng và bảo vệ rừng, thực chất là hợp đồng giao khoán, bảo vệ rừng. Công ty quản lý diện tích đất rừng tại xã Hợp Tiến là 2.211,08ha

Năm 2010 tại Quyết định 1386/QĐ – BNN – ĐMDN ngày 24/5/2010 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã quyết định chuyển Công ty Ván Dăm Thái Nguyên thuộc Công ty lâm nghiệp Việt Nam thành Công ty TNHH một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên. Ngày 15/02/2011 tại Quyết định số 320 của UBND tỉnh Thái Nguyên đã quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH MTV Ván Dăm Thái Nguyên với diện tích đất rừng sản xuất là 12.919.983,0m² tại khu vực thuộc xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Năm 2012 tại Quyết định số 259/QĐ – BNN – ĐMDN ngày 13/02/2012 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã quyết định sáp nhập Công ty TNHH một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên vào Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam. Ngày 21/11/2014 UBND tỉnh Thái Nguyên có văn bản số 3231 về việc chấp thuận việc sử dụng đất sau khi cổ phần hóa của Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên, trong đó thống nhất diện tích đất Công ty tiếp tục để lại sản xuất kinh doanh sau khi cổ phần hóa doanh nghiệp tại huyện Đồng Hỷ là 30.149.046m², trong đó xã Hợp Tiến (đất lâm nghiệp): 10.959.700m². Công ty trả lại địa phương tại xã Hợp Tiến với diện tích là 10.446.000m². Năm 2015 tại Quyết định số 1136/QĐ-UBND ngày 21/5/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên đã ra quyết định thu hồi đất do Chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty Lâm nghiệp Đồng Hỷ tự nguyện trả lại đất cho UBND các xã để quản lý theo quy hoạch. Riêng xã Hợp Tiến đã thu hồi đợt 1 diện tích 8.172.262,0m². Năm 2016 tại Quyết định số 215/QĐ-TTg ngày 03/02/2016 của Thủ tướng Chính Phủ đã quyết định phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam thành Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần với vốn Nhà nước chiếm 51%, về đất đai thì vẫn tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất theo phương án sản xuất kinh doanh tại 12 tỉnh, thành phố là 43.400,7ha và Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần thực hiện thuê đất của Nhà nước và trả tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng đất.

* Đối với diện tích đất ông Trung khởi kiện:

Toàn bộ diện tích đất trong sổ lâm bạ mà ông Việt là bố ông Trung được nhận là 24,40ha sau đó chuyển cho ông Trung, cùng toàn bộ diện tích đất mà ông Trung cho rằng ông Trung khai hoang đều nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty. Hiện nay toàn bộ diện tích đất gia đình ông Trung đang sử dụng đều có số ô, số thửa, diện tích. Một phần diện tích đã ký hợp đồng giao khoán, còn một phần diện tích đến nay chưa ký hợp đồng giao khoán. Cụ thể:

- Tại khu vực khoảnh 1, tiểu khu 195: Diện tích đo theo hiện trạng sử dụng là: 24,30 ha. Vị trí thửa đất thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 1, diện tích cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 6.481.800 m², bản đồ giải thửa địa chính xã Hợp Tiến đo năm 2006. Thửa đất thuộc diện tích Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên giữ lại sử dụng sau cổ phần hóa và đã được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên tại Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 15/02/2011. Trong đó diện tích ông Trung đang tranh chấp với Công ty theo kết quả đo đạc thẩm định tại chỗ theo chỉ dẫn của gia đình ông Trung là 185.670,7m² (Diện tích theo hiện trạng: 178.807,4m², diện tích đường chõ gỗ: 6.863,3m²) đối chiếu với bản đồ giải thửa địa chính xã Hợp Tiến thuộc

thừa 30 tờ bản đồ số 1. Trên diện tích đất tranh chấp này, hiện nay Công ty đang giao khoán cho ông Trần Văn Trung tại các hợp đồng cụ thể như sau:

+ Hợp đồng số 37/2016-HĐ ký ngày 06/6/2016 tại lô C4, C5 và C2a, khoảnh 1, tiểu khu 195, diện tích 16,80 ha (168.000 m²). Tại vị trí này, vẫn đang còn rừng keo trồng năm 2016, ông Trung vẫn chưa khai thác và thanh lý hợp đồng.

+ Diện tích còn lại ông Trần Văn Trung đang lấn chiếm đất tự đầu tư trên đất Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên được giao, được thuê.

- Tại khu vực khoảnh 4, tiểu khu 195: Diện tích đo theo hiện trạng sử dụng là: 30,02 ha. Vị trí thửa đất thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 1, diện tích cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 6.481.800 m², bản đồ giải thửa địa chính xã Hợp Tiến đo năm 2006. Thửa đất thuộc diện tích Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên giữ lại sử dụng sau cô phần hóa và đã được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên tại Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 15/02/2011. Trong đó diện tích ông Trung đang tranh chấp với Công ty theo kết quả đo đạc thẩm định tại chỗ theo chỉ dẫn của gia đình ông Trung là 263.014m² (Diện tích theo hiện trạng: 249.524,6m², diện tích đường chờ gỗ: 13.489,4m²) đối chiếu với bản đồ giải thửa địa chính xã Hợp Tiến thuộc thửa 30 tờ bản đồ số 1. Trên diện tích đất tranh chấp này, hiện nay Công ty đang giao khoán cho ông Trần Văn Trung tại các hợp đồng cụ thể như sau:

+ Hợp đồng số 6/2014-HĐ ký ngày 04/02/2014 tại lô A8, khoảnh 4, tiểu khu 195, diện tích 3,31 ha (33.100 m²). Năm 2021, ông Trung khai thác trả sản phẩm, thanh lý hợp đồng nhưng chống đối không ký lại hợp đồng với Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên mà chiếm đất tự ý trồng rừng năm 2021.

+ Hợp đồng số 3/2015-HĐ ký ngày 10/12/2015 tại lô B17, khoảnh 3, tiểu khu 195, diện tích 1,80 ha (18.000 m²). Năm 2021, ông Trung khai thác trả sản phẩm, thanh lý hợp đồng nhưng chống đối không ký lại hợp đồng với Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên mà chiếm đất tự ý trồng rừng năm 2021.

+ Hợp đồng số 28/2017-HĐTR ký ngày 09/02/2017 tại lô D13, D29, D30 và D31, khoảnh 4, tiểu khu 195, diện tích 9,70 ha (97.000 m²). Tại vị trí này, vẫn đang còn rừng keo trồng năm 2017, ông Trung vẫn chưa khai thác và thanh lý hợp đồng.

+ Hợp đồng số 4/2019-HĐTR ký ngày 14/3/2019 tại lô G20, khoảnh 4, tiểu khu 195, diện tích 1,10 ha (11.000 m²). Tại vị trí này, vẫn đang còn rừng keo trồng năm 2019, ông Trung vẫn chưa khai thác và thanh lý hợp đồng.

+ Diện tích còn lại ông Trần Văn Trung đang lấn chiếm đất tự đầu tư trên đất Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên được giao, được thuê.

Việc ký hợp đồng giao khoán giữa hai bên là tự nguyện kèm theo đơn xin nhận khoán, ông Trung được ký hợp đồng. Công ty chỉ đầu tư đất đã được cấp giấy chứng nhận và được giao quản lý. Sau khi được cấp giấy chứng nhận thì chuyển sang thuê đất. Công ty là chủ rừng khi ký hợp đồng giao khoán đã có thỏa thuận đôi bên, các điều khoản khối lượng theo từng chu kỳ, hợp đồng giao khoán có đầy đủ các nội dung, quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hợp đồng sau khi ký đã được các bên thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trong hợp đồng, đối với diện tích rừng nào được khai thác thì khi khai thác đã trả sản phẩm theo đúng thỏa thuận. Năm 2018

các hộ dân đã có đơn và trực tiếp dẫn công ty đi đo đạc rõ ranh giới, diện tích của từng hộ đang sử dụng trên đất công ty quản lý.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và lời khai tại phiên tòa của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Lượ trình bày: Bà là vợ của ông Trung, khi bố chồng bà là ông Việt chuyển toàn bộ diện tích đất trong hồ sơ giao đất, giao rừng sang cho ông Trung thì bà đã cùng ông Trung trồng cây và khai hoang thêm để trồng rừng từ năm 2001 cho đến nay, khi khai hoang không thấy có ai nói gì. Bà nhất trí với ý kiến của nguyên đơn là ông Trung.

Với nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 03/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố huyện Đồng Hỷ đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn Trung về việc yêu cầu công nhận 448.684,7m² thuộc quyền quản lý của ông Trần Văn Trung, vị trí đất thuộc thửa số 30, tờ bản đồ số 1 xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 866776 diện tích 6.481.800m² do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp cho Công ty TNHH Một thành viên Ván dăm Thái Nguyên ngày 15/02/2011. *(Có bản trích đo hiện trạng sử dụng đất do Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo đạc kèm theo)*

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn Trung về việc Hủy tất cả các hợp đồng giao, nhận khoán trồng rừng mà ông Trung cho ràng bị ép ký và ký khống.

3. Về chi phí tố tụng: ông Trần Văn Trung phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản (đã chi phí xong).

4. Về án phí: Ông Trần Văn Trung phải chịu 112.038.162đ (Một trăm mười hai triệu không trăm ba mươi tám nghìn một trăm sáu mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp Ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra bản án còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/8/2022, ông Trần Văn Trung nộp đơn, kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 03/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, đề nghị hủy bản án sơ thẩm với lý do: Hội đồng xét xử sơ thẩm vi phạm tố tụng, không trung cầu giám định với các Hợp đồng giao khoán (mà căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện là do các hợp đồng giao khoán bị ép ký khống); không xem xét và đánh giá khách quan toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện; sai lầm trong việc áp dụng pháp luật dẫn đến ra bản án không đúng gây thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trung rút một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến 24,40ha đất rừng, tại tiểu khu 413 tại khoảnh 4 lô 1 diện tích là 8,30ha, khoảnh 4 lô 2 diện tích 7,50ha và khoảnh 7 lô 1 có diện tích 8,60ha, đã có hồ sơ giao đất giao rừng cho ông Trần Xuân Việt, số 100 ngày 20/7/1998 của Lâm trường Đồng Hỷ. Ông Trung giữ nguyên kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện bị đơn Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần trình bày: Đối với yêu cầu xin rút 24,40ha đất rừng đã được Công ty giao khoán cho ông Trần Xuân Việt (bố đẻ ông Trung) năm 1998, do ông Trung đã thừa nhận đây là đất của Công ty giao khoán, đã có hợp đồng nên Công ty nhất trí với yêu

câu rút này của ông Trung; Đối với cây trồng trên đất thì nhất trí xác định là cây do nguyên đơn trồng, không nhận đầu tư của Công ty, thì cây đã trồng được khoảng 4 đến 5 năm tuổi Công ty sẽ tạo điều kiện cho khai thác khi đến kỳ và không phải nộp loại sản phẩm nào cho Công ty (trừ phần cây đã có hợp đồng giao nhận khoán, khi đến chu kỳ khai thác sẽ giải quyết theo thoả thuận, cam kết trong hợp đồng giao khoán), còn rừng cây mới trồng 1 đến 2 năm tuổi thì phải tiếp tục ký HĐ giao khoán với Công ty, nếu không ký HĐ thì đề nghị phải tự nhỏ bỏ trả lại đất cho Công ty để Cty tự trồng rừng hoặc giao cho người khác.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trung có quan điểm tranh luận đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm theo Điều 310 BLTTDS, với các căn cứ: Tòa án sơ thẩm đã giải quyết không đúng thẩm quyền vì yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp cho Công ty Lâm nghiệp là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Tỉnh theo Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 32 Luật tố tụng hành chính; đưa thiếu người tham gia tố tụng là UBND tỉnh cơ quan cấp giấy chứng nhận, UBND huyện Đồng Hỷ và UBND xã Hợp Tiến là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Năm 1993 ông Tiên được Lâm trường Đồng Hỷ giao 24,40 ha đất trồng rừng cho đến nay chưa có văn bản nào huỷ bỏ quyết định của Lâm trường Đồng Hỷ, thời hạn giao đất, giao rừng là 50 năm, năm 2011 UBND tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhưng không thực hiện đúng trình tự không niêm yết, không thông báo, không xem xét thẩm định, không ký giáp ranh, không xác định xem trên diện tích đất của mình có hộ dân nào đang sử dụng đất hay không... là không đúng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn Trung. Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 03/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ do người khởi kiện rút một phần yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

[1] Đơn kháng cáo của ông Trần Văn Trung đã đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tòa án sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và hợp đồng giao khoán*" theo khoản 3, 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng.

[2] Về nguồn gốc đất tranh chấp, thấy rằng:

[2.1.] Lâm trường Đồng Hỷ được thành lập ngày 12/01/1973. Năm 1992 Lâm Trường Đồng Hỷ trực thuộc Sở lâm nghiệp tỉnh Bắc Thái và được giao tổng diện tích đất rừng là 13.065 ha để chăm sóc, bảo vệ và trồng mới. Từ năm 1998 đến trước năm 2011, Lâm trường đã nhiều lần đổi tên, sáp nhập. Ngày 16/3/2012, Công ty Lâm nghiệp Việt Nam có quyết định thành lập số 121/QĐ/HĐTV-TCLĐ. Năm 1998, khi chuyển giao Lâm trường Đồng Hỷ về Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam đã có biên bản kiểm kê đất rừng và đất lâm nghiệp do Lâm trường Đồng hỷ quản lý, thể hiện rõ tổng diện tích của Lâm trường là 11.553ha (Ngoài ra còn ghi rõ vị trí tứ cận đất, nằm trên các xã nào, có bao nhiêu phân trường và tiểu khu). Năm 2009, thông qua kết luận thanh tra về việc quản lý đất của Lâm trường (đã có kết luận), ngày 24/12/2010 Công ty Lâm nghiệp đã có biên bản về việc kiểm tra hiện trạng đất sử dụng thực tế của Công ty nằm trên địa bàn UBND xã Hợp Tiến, việc kiểm tra này được thực hiện và tiến hành theo bản đồ giải thửa năm 2006. Căn cứ vào đó, ngày 15/02/2011 UBND tỉnh Thái Nguyên đã cấp giấy CNQSD đất cho Công ty Lâm nghiệp tại Quyết định số 320/QĐ-UBND. Như vậy, có đủ căn cứ xác định đất có nguồn gốc của Lâm trường Đồng Hỷ được Nhà Nước giao quản lý để thực hiện việc sản xuất, kinh doanh nghề rừng, có quyết định giao đất từ năm 1992. Trải qua các thời kỳ chuyển giao từ Lâm trường Đồng Hỷ đến nay là Chi nhánh Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam, Công ty cổ phần, diện tích đất được bàn giao và đã được cấp giấy CNQSD đất đúng hiện trạng.

[2.2.] Ông Trần Văn Trung thừa nhận, bố đẻ ông là Trần Xuân Việt đã được Lâm trường Đồng Hỷ giao đất rừng theo hồ sơ số 874 ngày 30/11/1993 và số 100 ngày 20/7/1998, toàn bộ diện tích đất rừng được giao là để phủ xanh đồi núi trọc, sau khi nhận đất rừng ông Việt đã tiến hành trồng cây mỡ. Năm 2001, ông Việt cho vợ chồng ông 24,40ha đất rừng thuộc phần đất rừng được giao theo hồ sơ giao đất, giao rừng số 100/QĐ ngày 20.7.1998, vợ chồng ông đã tiếp tục trồng rừng sản xuất và sử dụng ổn định từ năm 2001 đến nay. Ngoài ra, khoảng năm 2006 và 2008, vợ chồng ông còn khai hoang thêm gần 20 ha đất rừng, quá trình ông khai thác không ai có ý kiến gì.

[2.3.] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trung đã tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 24,40ha đất thuộc phần đất rừng được giao cho ông Việt, theo hồ sơ giao đất, giao rừng số 100 ngày 20.7.1998 và nhất trí xác định đây là đất của Công ty Lâm nghiệp giao khoán. Người Đại diện theo ủy quyền của bị đơn nhất trí. Xét, đây là quyền tự định đoạt của nguyên đơn và được bị đơn nhất trí, nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện đề nghị công nhận phần diện tích đất này là của ông Trung.

[2.4.] Đối với phần diện tích đất ông Trung khai gia đình ông tự khai hoang vào năm 2006 và 2008, với tổng diện tích khai hoang khoảng 20ha. Theo ông khi gia đình khai hoang thì đất này là đất bỏ hoang, không có ai quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì cho việc khai hoang và kể từ khi khai hoang cho đến nay, ông Trung cũng không kê khai với bất cứ cơ quan

nào, không xin được khai hoang diện tích đất với cơ quan có thẩm quyền quản lý về đất theo quy định tại Điều 103, 104 Luật đất đai năm 2003, quy định việc quản lý đất chưa sử dụng thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm quản lý, bảo vệ đất chưa sử dụng tại địa phương và đăng ký vào hồ sơ địa chính.

[2.5.] Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư 52/2014/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thì đất khai hoang là đất đang để hoang hóa, đất khác đã quy hoạch cho sản xuất nông nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Văn bản trả lời của Hạt kiểm lâm Đồng Hỷ, xác định hiện trạng sử dụng đất của 11 hộ gia đình đang tranh chấp trong đó có ông Phương, đều thuộc quy hoạch là đất rừng sản xuất, hiện trạng là rừng trồng. UBND xã Hợp Tiến xác định diện tích đất 11 hộ đang tranh chấp với Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam không nằm trong diện tích đất mà Công ty trả về cho địa phương theo Quyết định 1136/QĐ-UBND ngày 21/5/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thu hồi đất. Hồ sơ địa chính các thời kỳ của xã Hợp Tiến cũng không thấy có hồ sơ lưu trữ hay các căn cứ pháp lý nào về việc công nhân, nhân dân tự khai hoang diện tích đất rừng. Không có việc người dân đến kê khai hoặc xin được khai hoang đất đối với diện tích đất của 11 hộ đang tranh chấp với Công ty Lâm nghiệp (trong đó có phần diện tích đất của gia đình ông Trung).

[2.6.] Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án do Công ty Hà Nguyên Châu thực hiện, theo chỉ dẫn của ông Trung là 448.684,7m² (trong đó có 20.352,7m² đường chở gỗ) đều nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Ván Dăm Thái Nguyên, nay thuộc Tổng Công ty lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần do UBND tỉnh Thái Nguyên đã được cấp năm 2011 thuộc thửa số 30, tờ bản đồ số 1 bản đồ giải thửa năm 2006.

Tại văn bản trả lời số 55/CV-HKL ngày 18/11/2022 của Hạt kiểm lâm Đồng Hỷ (BL 418) cũng đã xác định *“phần diện tích đất của 11 hộ dân (trong đó có hộ ông Trung) đối chiếu với bản đồ quy hoạch 3 loại rừng... thì đều thuộc Quy hoạch đất rừng sản xuất, hiện trạng là rừng trồng...”*

[2.7.] Do vậy, việc ông Trung, bà Lượ đề nghị công nhận phần diện tích đất đã khai hoang này là của ông bà, mà đất này lại thuộc phần diện tích đất do Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên quản lý và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có cơ sở. Việc Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu này của ông Trung là có căn cứ chấp nhận.

[3.] Về yêu cầu hủy các Hợp đồng giao khoán do bị ép ký, thấy:

Các hợp đồng giao khoán mà ông Trần Văn Trung đã ký với Công ty từ năm 2015, 2016, 2017, 2019 đều dựa trên cơ sở có Đơn xin nhận khoán, các Hợp đồng giao nhận khoán trồng rừng do ông Trung trực tiếp ký với Công ty Lâm nghiệp đều có chữ ký và xác nhận của UBND xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Nội dung trong hợp đồng không vi phạm các điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội thể hiện rõ nội dung khoán, công việc, đầu tư vốn, quyền lợi và trách nhiệm của các bên tham gia hợp đồng. Từ khi được giao đất năm

1993, ông Việt đã ký Hợp đồng nhận khoán với Lâm trường Đồng Hỷ, sau đó đến năm 2001 cho đất ông Trung thì ông tiếp tục ký hợp đồng các năm tiếp theo với Công ty, ông Trung không có ý kiến thắc mắc gì, ông vẫn nhận đầu tư và tiến hành trả sản thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng. Năm 2019, ông Trung khởi kiện ra Tòa án, trong khi Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết vụ án thì năm 2021 ông Trung vẫn tiến hành trả sản cho Công ty theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng. Tại phiên Tòa phúc thẩm, ông Trung cũng thừa nhận các chữ ký trong hợp đồng giao khoán là của ông nhưng do thiếu hiểu biết lên đã bị lừa dối ký không vào các bản giấy trắng hoặc các bản không rõ nội dung, không điền thông tin... nhưng không xuất trình cho Tòa án các tài liệu để khẳng định ông đã bị lừa dối và ép ký không hợp đồng. Do vậy có đủ căn cứ khẳng định, khi ký kết hợp đồng ông Trung không hề bị lừa dối, ép buộc ký không hợp đồng như ông đã khai, việc ký hợp đồng dân sự là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, không bên nào có quyền ép buộc bên nào, nếu ông Trung không đồng ý thì có quyền không ký hợp đồng trông, chăm sóc, bảo vệ rừng với Công ty. Toà án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện này của ông Trung là đúng.

[4.] Về yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Nguyên đơn yêu cầu Toà án huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND tỉnh Thái Nguyên cấp cho Công ty Ván Dăm Thái Nguyên nay là Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và những phân tích nêu trên thấy việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không trái pháp luật, không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ án. Do không có căn cứ để huỷ quyết định cá biệt theo Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự, việc Toà án cấp sơ thẩm tiếp tục giải quyết vụ án và không đưa UBND cấp giấy CNQSD đất vào tham gia tố tụng là đúng thẩm quyền, không vi phạm tố tụng.

[5.] Đối với yêu cầu của ông Trung đề nghị xác định toàn bộ cây cối, đường đi trên đất là của ông vì ông xác định từ khi nhận và khai hoang đất ông đã tiến hành trông toàn bộ cây trên đất, việc trông cây là do ông tự bỏ vốn để đầu tư giống và phân bón, một số hợp đồng giao khoán bà có nhận một phần đầu tư của Công ty, có một phần diện tích ông không ký hợp đồng, không nhận đầu tư của Công ty.

Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Tại phiên tòa, đại diện của bị đơn đã khẳng định: *toàn bộ cây trên đất tranh chấp là do gia đình ông Trung trông, với rừng cây đã ký Hợp đồng giao khoán trông rừng với Công ty chưa đến thời kỳ khai thác theo thời hạn ghi trong hợp đồng thì ông bà vẫn phải thực hiện quyền và nghĩa vụ với Công ty theo hợp đồng đã ký kết. Với cây trông trên diện tích của Công ty mà ông Trung đã ký Hợp đồng giao khoán trông rừng với Công ty và đã khai thác xong nhưng không thực hiện nghĩa vụ với Công ty theo các điều khoản của hợp đồng đã ký kết mà vẫn tiếp tục trông mới thì phải khai thác, thu hoạch cây cối trên đất trả lại đất cho Tổng Công ty. Tổng Công ty Lâm nghiệp có quyền khởi kiện, quyền yêu cầu đối với hộ ông Trần Văn Trung theo quy định của pháp luật. Số cây Keo và Phấn mà hộ ông Trần Văn Trung trông trên phần đất lần*

chiếm, khi trồng Công ty không có ý kiến gì, thì phía Công ty đã nhất trí tạo điều kiện cho khai thác khi đến kỳ đối với rừng cây đã trồng khoảng 4 đến 5 năm và không phải nộp loại sản phẩm nào cho Công ty, còn rừng cây mới trồng 1 đến 2 năm tuổi thì phải tiếp tục ký HĐ giao khoán với Công ty, nếu không ký HĐ thì đề nghị phải tự nhổ bỏ trả lại đất cho Công ty.

Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của phía bị đơn, dành cho các đương sự quyền tự thỏa thuận. Trong trường hợp không thỏa thuận được có quyền khởi kiện vụ án khác để được giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6.] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trung cho rằng:

[6.1.] Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết khi có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là trái thẩm quyền và không đưa UBND tỉnh Thái Nguyên tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. HĐXX thấy: Ngày 27/12/2019 ông Trần Văn Trung nộp đơn khởi kiện Công ty Lâm Nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần yêu cầu công nhận diện tích đất do Lâm trường giao và đất gia đình ông khai khẩn, ngoài ra còn yêu cầu tuyên hủy những GCNQSD đất của Công ty Lâm nghiệp Việt Nam. Với nội dung yêu cầu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ và xác định không có căn cứ rõ ràng các quyết định cá biệt ban hành là trái pháp luật; UBND tỉnh Thái Nguyên có văn bản xác định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho Công ty Lâm Nghiệp Việt Nam là không trái pháp luật. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chuyển thẩm quyền đến tòa án nhân dân cấp tỉnh, không triệu tập UBND tỉnh tham gia tố tụng và tiếp tục giải quyết là không trái với quy định của pháp luật cũng như giải đáp số 02/2016 và 01/2017 của Tòa án nhân dân Tối Cao.

[6.2.] Đối với yêu cầu xác định toàn bộ cây rừng trên đất thuộc quyền sở hữu của gia đình ông Trung và có toàn quyền quản lý, khai thác và hưởng giá trị sản phẩm mang lại trên đất.

Như đã phân tích tại mục [3] và [5] thì các hợp đồng giao khoán giữa ông Trung có hiệu lực pháp luật, cho nên số cây trồng trên diện tích do ông Trung đã ký Hợp đồng giao khoán trồng rừng với Công ty chưa đến thời kỳ khai thác theo thời hạn ghi trong hợp đồng thì ông bà vẫn phải thực hiện quyền và nghĩa vụ với Công ty theo hợp đồng đã ký kết. Đối với cây trồng trên diện tích của Công ty mà ông Trung, bà Lượ đã ký Hợp đồng giao khoán trồng rừng với Công ty và đã khai thác xong nhưng không thực hiện nghĩa vụ với Công ty theo các điều khoản của hợp đồng đã ký kết mà vẫn tiếp tục trồng mới thì phải khai thác, thu hoạch cây cối trên đất trả lại đất cho Tổng Công ty. Tổng Công ty Lâm nghiệp có quyền khởi kiện, quyền yêu cầu đối với ông Trần Văn Trung, bà Đỗ Thị Lượ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Đối với số cây Keo và Phấn trên phần đất lấn chiếm mà ông Trung, bà Lượ đã trồng, khi trồng Công ty không có ý kiến gì, nếu ông bà không thỏa thuận được với Công ty Lâm nghiệp để được tiếp tục trồng rừng thì ông bà phải khai thác cây trồng trái phép trên đất của Công ty để trả lại đất cho Công ty. Trong trường hợp không thỏa thuận được Công ty có quyền khởi kiện một vụ án dân sự khác để được giải quyết theo quy định của pháp luật.

THÁI NGUYÊN

020
CÔNG
P VI
CÓ P
GR
NG

[6.3.] Về nội dung yêu cầu giám định tuổi mục hợp đồng giao khoán giữa gia đình ông Trung và Công ty Lâm Nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần, thấy:

Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm phía ông Trung đều thừa nhận chữ ký trong bộ hợp đồng giao khoán đều là do ông ký, khi ký bản hợp đồng và các tài liệu khác đều đã có chữ in sẵn, có bản là tờ giấy trắng, do thiếu hiểu biết nên ông đã ký, người cho ký là ông Trình cũng không cho ông đọc, ông bắt buộc phải ký mới được lấy giấy phép khai thác lâm sản. Tuy nhiên, ông không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh là ông bị ép ký, hay ký không. Cho nên việc giám định hợp đồng theo yêu cầu của nguyên đơn là không có căn cứ, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này là có căn cứ.

[6.4.] Về nội dung không đưa UBND huyện Đồng Hỷ, UBND xã Hợp Tiến tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng. HĐXX thấy rằng: UBND là cơ quan hành chính nhà nước, UBND huyện Đồng Hỷ không liên quan gì đến vụ án, còn quá trình giải quyết thì UBND xã Hợp Tiến đã có văn bản trả lời, xác định đất tranh chấp giữa các hộ dân với Công ty. Do vậy, việc đưa UBND huyện Đồng Hỷ, UBND xã Hợp Tiến tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng là không cần thiết.

[6.5.] Về nội dung Hồ sơ giao đất, giao rừng của ông Trần Xuân Việt, thấy: Ông Trung thừa nhận ông Trần Xuân Việt được Lâm trường Đồng Hỷ giao đất rừng theo hồ sơ số 874 ngày 30/11/1993 và số 100 ngày 20/7/1998 là để phủ xanh đồi núi trọc. Tại biên bản giao rừng và đất để trồng rừng ngày 30/11/1993 giao cho ông Trần Xuân Việt 10,53ha, phần cuối biên bản có nội dung cam kết: *Chủ rừng nhận đất phải trồng cây, nhận rừng phải quản lý, bảo vệ, chăm sóc để rừng luôn phát triển. Thực hiện đúng những điều đã cam kết trong đơn. Giao đủ sản phẩm cho Nhà nước khi được thu hoạch theo quy định tại Điều 20+2 Quyết định số 08 của tỉnh.* Điều 11 khoản 2 của Quy định việc giao khoán đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp Nhà nước, ban hành kèm theo Nghị định số 01/CP ngày 04/01/1995 của Chính phủ, quy định: *Thời hạn giao khoán đối với rừng phòng hộ, rừng đặc dụng là 50 năm; đối với rừng sản xuất thì theo chu kỳ kinh doanh.*

Tại Quyết định giao đất giao rừng ngày 30/11/1993 Lâm trường Đồng Hỷ là Doanh nghiệp Nhà nước được giao đất và đứng ra thực hiện giao khoán đất nhưng lại sử dụng mẫu giao đất giao rừng của UBND huyện Đồng Hỷ là không đúng quy định. Ngày 21/01/2005 Công ty Ván Dãn Thái Nguyên ban hành văn bản số 34/CTVD/CV yêu cầu các hộ trước đây được Lâm trường Đồng Hỷ giao đất, giao rừng bằng sổ Lâm bạ phải chuyển sang hình thức Hợp đồng giao khoán và thời hạn giao khoán theo chu kỳ kinh doanh là phù hợp quy định của pháp luật.

Điều 99 Luật đất đai năm 2013 và khoản 4 Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai quy định các trường hợp không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: *4. Người nhận khoán đất trong các nông trường, lâm trường, doanh nghiệp nông, lâm nghiệp, ban quản lý rừng phòng hộ, ban quản lý rừng đặc dụng”.*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng lâm trường Đồng Hỷ giao đất giao rừng cho ông Trần Xuân Việt (bố đẻ ông Trung), thời hạn giao đất là 50 năm, hiện nay hồ sơ giao khoán này vẫn đang có hiệu lực, chưa bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi, nên yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[7.] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Trung có nộp một bản vi bằng nội dung phóng sự, theo ông Trung trình bày là *kênh của truyền hình nhân dân, nội dung liên quan đến việc giao đất giao rừng và ý kiến của ông trưởng phòng TNMT huyện Đồng Hỷ và ông Nguyễn Phó chủ tịch xã Hợp Tiến*. Thấy rằng, đây chỉ là tài liệu tham khảo, tài liệu trong hồ sơ thể hiện tại biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất 24/12/2010 thành phần gồm có Văn phòng ĐK quyền sử dụng đất, đại diện UBND xã Hợp Tiến, Công ty Ván Dăm... đã xác định vị trí, diện tích đất cụ thể; quá trình giải quyết UBND xã Hợp Tiến cũng đã có ý kiến trả lời Tòa án Đồng Hỷ tại văn bản ngày 15/4/2022.

[8.] Như vậy, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện vụ án, đánh giá đầy đủ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, để từ đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với thực tế, có cơ sở. Kháng cáo của ông Trần Văn Trung là không có căn cứ chấp nhận.

[9.] Trong phần nhận định cấp sơ thẩm nhận định đối với cây trên đất có giao khoán thì tiếp tục thực hiện theo hợp đồng, cây ngoài giao khoán thì tiếp tục thỏa thuận nếu không theo thỏa thuận được thì phải thu hoạch trả lại đất cho Công ty. Tuy nhiên, tại phần tuyên án Tòa án cấp sơ thẩm chưa tuyên phần giành quyền khởi kiện cho các đương sự về phần cây trên đất là chưa đầy đủ, nên HĐXX cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

[10.] Về án phí: Ông Trung không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[11] Quan điểm, ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn Trung, theo phân tích nêu trên của Hội đồng xét xử là không có căn cứ để chấp nhận.

[12] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

I. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn Trung.

II. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 03/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, do ông Trung rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu công nhận 24,40ha đất, thuộc phần đất rừng được giao cho ông Trần Xuân Việt, theo hồ sơ giao đất, giao rừng số 100 ngày



20.7.1998 thuộc quyền quản lý của ông Trần Văn Trung. Vị trí đất hiện tại thuộc thửa số 30, tờ bản đồ số 1 xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có bản trích đo hiện trạng sử dụng đất do Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo đạc kèm theo)

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Trung về việc yêu cầu công nhận 204.684,7m² (còn lại) thuộc quyền quản lý của ông Trần Văn Trung, vị trí đất thuộc thửa số 30, tờ bản đồ số 1 xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 866776 diện tích 6.481.800m² do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp cho Công ty TNHH Một thành viên Ván dăm Thái Nguyên ngày 15/02/2011. (Có bản trích đo hiện trạng sử dụng đất do Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo đạc kèm theo)

3. Không chấp nhận yêu cầu Hủy tất cả các hợp đồng giao, nhận khoán trồng rừng của ông Trần Văn Trung mà ông Trung cho rằng bị ép ký và ký khống.

4. Giành quyền khởi kiện cho các đương sự đối với cây trên đất.

5. Về chi phí tố tụng: ông Trần Văn Trung phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản(đã chi phí xong).

6. Về án phí dân sự:

+ Án phí sơ thẩm: Ông Trần Văn Trung phải chịu 112.038.162đ (Một trăm mười hai triệu không trăm ba mươi tám nghìn một trăm sáu mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp Ngân sách Nhà nước.

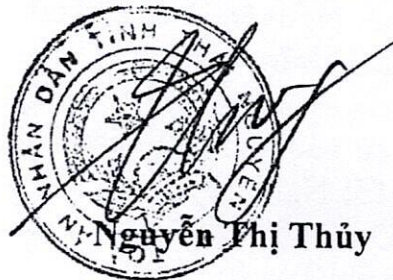
+ Về án phí phúc thẩm: Ông Trần Văn Trung không phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả ông Trung 300.000đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo biên lai thu số 0005394 ngày 17/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

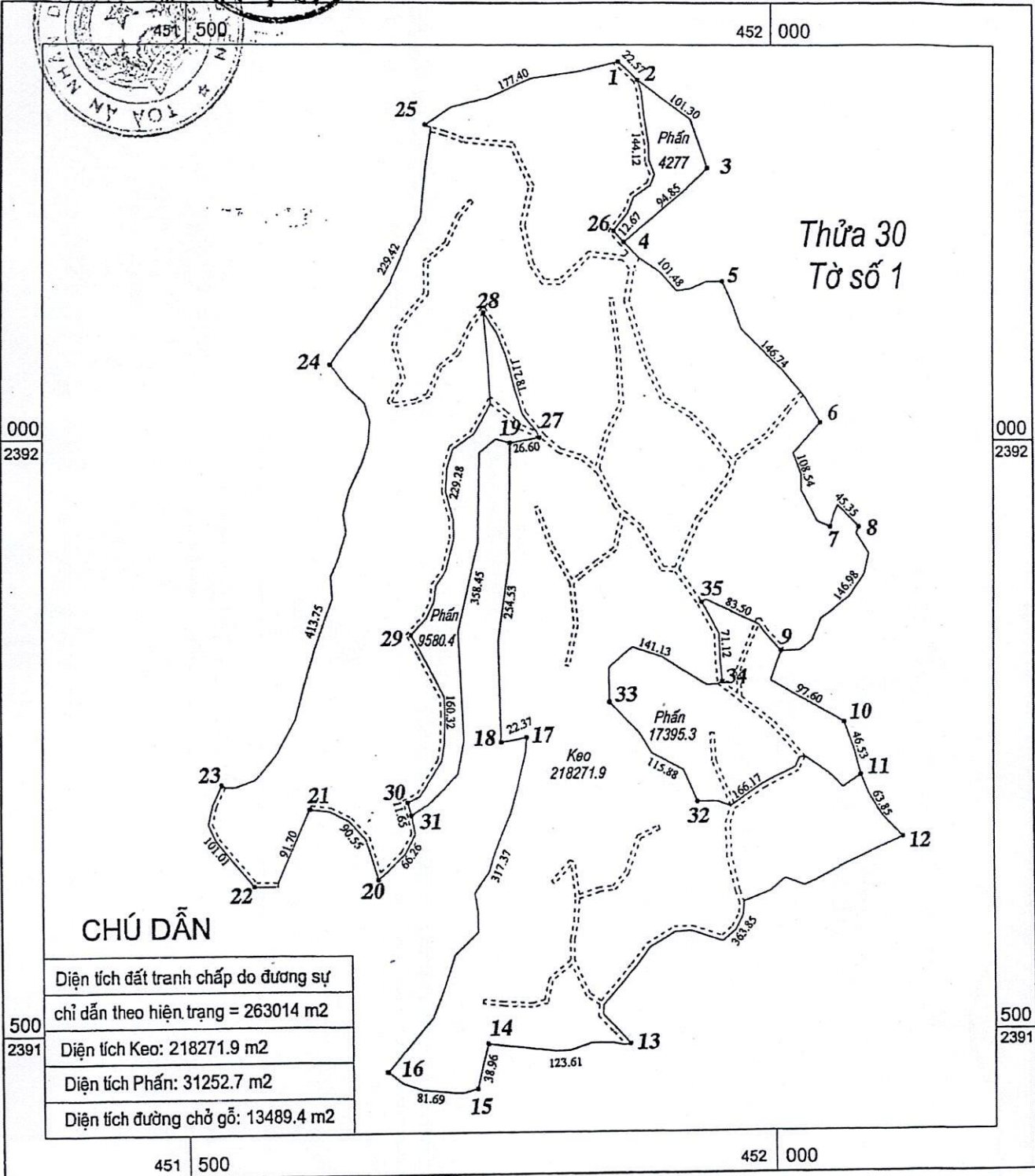
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



TRÍCH ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

ĐẤT CÔNG SẢN VĂN TRUNG XÓM BÃI VÀNG XÃ HỢP TIẾN



CHÚ DẪN

Diện tích đất tranh chấp do đương sự chỉ dẫn theo hiện trạng = 263014 m ²
Diện tích Keo: 218271.9 m ²
Diện tích Phan: 31252.7 m ²
Diện tích đường chờ gỗ: 13489.4 m ²

Đo vẽ tháng 1 năm 2021

Người đo vẽ:

[Handwritten signature]

Nguyễn Văn Huấn

TỈ LỆ 1:5000

1 cm trên bản đồ bằng 50 m trên thực địa

Tháng 1 năm 2021

Đơn vị đo vẽ: Công ty TNHH



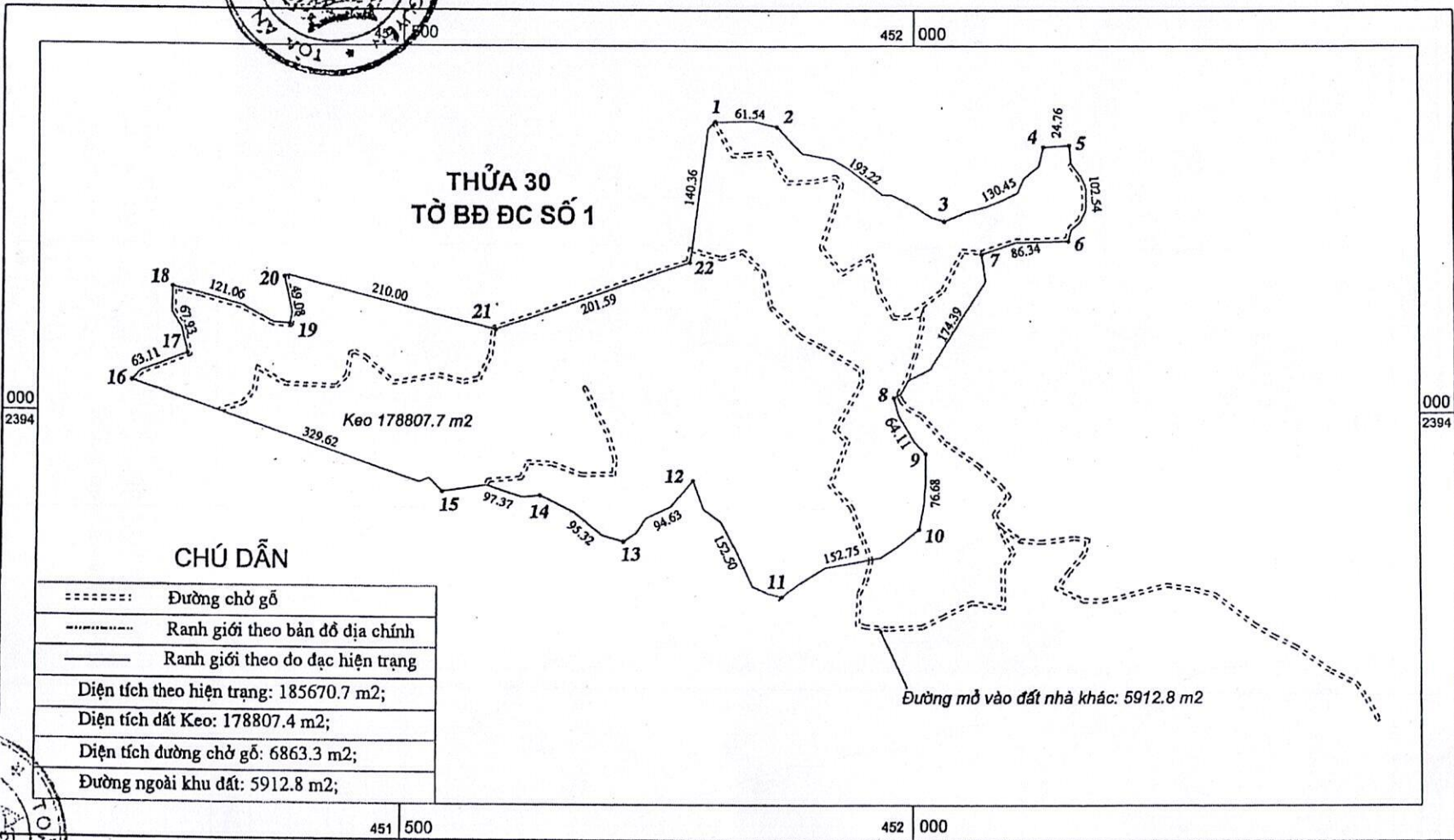
[Handwritten signature]

TÒA ÁN NHÂN DÂN ĐỒNG HỖ
BÚT LỤC SỐ: 504



TRÌNH ĐO HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

ĐẤT Ở THÂN VĂN TRUNG XÓM BÃI VÀNG XÃ HỢP TIẾN HUYỆN ĐỒNG HỖ



CHÚ DẪN

-----	Đường chõ gỗ
- - - - -	Ranh giới theo bản đồ địa chính
—————	Ranh giới theo đo đạc hiện trạng
Diện tích theo hiện trạng: 185670.7 m ² ;	
Diện tích đất Keo: 178807.4 m ² ;	
Diện tích đường chõ gỗ: 6863.3 m ² ;	
Đường ngoài khu đất: 5912.8 m ² ;	



Đo vẽ tháng 1 năm 2021
Người đo vẽ:

Nguyễn Văn Huấn

IN PHÓNG TỈ LỆ 1:5000
1 cm trên bản đồ bằng 50 m trên thực địa

Đơn vị đo vẽ Công ty TNHH Hà Nguyên Châu



GIÁM ĐỐC
Trần Văn Điền